**MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA TIN HỌC GIỮA HỌC KỲ 2**

**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**1. Tin học lớp 10**

***1.1 Ma trận đề kiểm tra giữa học kì II***

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: TIN HỌC 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng% điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TNKQ*** | ***TL*** | ***TNKQ*** | ***TL*** | ***TNKQ*** | ***TL*** | ***TNKQ*** | ***TL*** |
| **1** | **CHỦ ĐỀ F. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH** | 1. Câu lệnh rẽ nhánh | 7 |  | 4 |  | 2 |  | 1 |  | 34%  (3,4  điểm) |
| 2. Câu lệnh lặp | 4 |  | 4 |  | 3 |  | 2 |  | 33%  (3,3  điểm) |
| 3. Chương trình con và thư viện các chương trình con có sẵn | 5 |  | 4 |  | 3 |  | 1 |  | 33%  (3,3  điểm) |
| **Tổng** | | | ***16*** |  | ***12*** |  | ***8*** |  | ***4*** |  | 100 |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | | **16** | | **12** | | **8** | | **4** | | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70** | | | | **30** | | | | **100** |

***1.2 Đặc tả đề kiểm tra giữa học kì II***

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: TIN HỌC 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo các mức độ nhận thức** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |
| 1 | **CHỦ ĐỀ F. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH** | 1. Câu lệnh rẽ nhánh | **Nhận biết**   * Biết được các phép so sánh và các phép tính logic tạo thành biểu thức logic thể hiện điều kiện rẽ nhánh trong chương trình. * Biết trong trường hợp áp dụng câu lệnh rẽ nhánh. * Biết cấu trúc câu lệnh rẽ nhánh trong Python.   **Thông hiểu**   * Phân biệt được câu lệnh rẽ nhánh if và if – else. * Lưu ý cách viết câu lệnh trong trong Python.   **Vận dụng**   * Viết được câu lệnh rẽ nhánh trong Python. * Giải được 1 số bài tập có trường hợp rẽ nhánh đơn giản.   **Vận dụng cao**   * Vận dụng cấu trúc rẽ nhánh vào giải một số bài toán thực tế. | 7(TN) | 4(TN) | | 2(TN) | 1(TN) |
| 2. Câu lệnh lặp | **Nhận biết**   * Biết được có hai loại cấu trúc lặp để mô tả thuật toán: lặp với số lần biết trước và lặp với số lần không biết trước. * Biết trong trường hợp áp dụng câu lệnh lặp. * Biết cấu trúc câu lệnh lặp trong Python.   **Thông hiểu**   * Phân biệt được câu lệnh lặp for và while * Lưu ý cách viết câu lệnh lặp trong trong Python * Hiểu ý nghĩa hàm range (m,n) * Lặp với số lần biết trước cần phải kiểm soát được số lần lặp. * Lặp với số lần chưa biết trước phải sử dụng một biểu thức loogic làm điều kiện lặp.   **Vận dụng**   * Viết được câu lệnh lặp dạng for và dạng while trong Python * Giải được 1 số bài tập có trường hợp lặp đơn giản đơn giản.   **Vận dụng cao**   * Vận dụng cấu trúc lặp vào giải một số bài toán thực tế. | 4(TN) | 4(TN) | | 3(TN) | 2(TN) |
|  |  | 3. Chương trình con và thư viện các chương trình con có sẵn. | **Nhận biết**   * Biết khái niệm chương trình con. * Biết trong trường hợp cần xây dựng hàm * Biết cấu trúc viết hàm trong Python. * Biết một số thư viện chứa hà thông dụng trong Python.   **Thông hiểu**   * Lưu ý cách viết hàm trong trong Python * Phân biệt được hàm có tham số và không có tham số. * Nhận biết được hàm có giá trị trả về   **Vận dụng**   * Xây dựng và sử dụng được chương trình con trong Python. * Sử dụng được chương trình con xây dựng sẵn của hệ thống   **Vận dụng cao**   * Vận dụng xây dựng hàm vào giải một số bài toán phức tập | 5(TN) | 4(TN) | | 3(TN) | 1(TN) |
| ***Tổng*** | | | | 16 | 12 | | 8 | 4 |
| **Tỉ lệ %** | | | | 40% | 30% | | 20% | 10% |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **70%** | | | **30%** | |